

TIẾP CẬN LÝ THUYẾT NGHI LỄ CHUYỂN ĐỔI TRONG NGHIÊN CỨU NHÂN HỌC

NGUYỄN CÔNG HOAN^(*)

1. Thuật ngữ và khái niệm nghi lễ

1.1. Thuật ngữ

Từ “nghi lễ” tiếng anh là *ritual* có nguồn gốc từ tiếng latin *ritus*⁽¹⁾, có nghĩa là hành vi có trật tự. Theo nghĩa rộng, nó bao gồm nhiều hoạt động đã được hình thức hóa trong văn hóa, thành những nghi lễ thông thường trong cuộc sống. Theo nghĩa hẹp, thuật ngữ này chỉ những hoạt động mang tính bắt buộc, chính thức diễn ra trong bối cảnh thờ phượng tôn giáo, ví dụ như lễ Noel của Kitô giáo hoặc lễ hiến sinh cho Tổ tiên. Theo nghĩa này, nghi lễ độc lập với thần học cũng như thực hành đối lập với lý thuyết. Phổ biến hơn, các nhà nhân học sử dụng thuật ngữ “nghi lễ” để bao hàm bất kì hoạt động nào có mức độ chính thức cao và có mục đích không vị lợi. Cách sử dụng này không chỉ bao gồm các hoạt động tôn giáo rõ ràng mà còn cả những sự kiện như lễ hội, diễu hành, kết nạp, trò chơi và chào mừng, v.v... Nghi lễ có thể không nói về bất kì loại sự kiện nào cụ thể mà về khía cạnh biểu đạt của hoạt động con người.

Còn thuật ngữ *nghi thức* (Ceremony) có liên quan nhiều hơn đến hành vi tôn giáo gắn kết với các trạng thái xã hội, nơi mà các thể chế luật pháp - chính trị cũng có một ý nghĩa lớn hơn *nghi thức*.

1.2. Khái niệm nghi lễ

Nghi lễ được định nghĩa như sau:

Nghi lễ có bốn yếu tố, *trước hết*, nghi lễ là một hoạt động xã hội lặp đi lặp lại, gồm một loạt các động tác có tính chất biểu tượng dưới dạng múa, ca, lời nói, điệu bộ, thao tác trên một số các đồ vật, v.v... *Thứ hai*, nghi lễ tách riêng khỏi các hoạt động thường ngày trong xã hội; *Thứ ba*, nghi lễ theo đúng một mô hình nhất định do văn hoá đặt ra, điều này có nghĩa là các thành viên trong một nền văn hoá nào đó có thể nhận ra nghi lễ qua một loạt các hoạt động, mặc dù có thể chưa thấy nghi lễ đó bao giờ; *Cuối cùng*, hoạt động nghi lễ liên quan chặt chẽ đến một số tư tưởng thường xuất hiện trong huyền thoại. Theo quan điểm của các nhà nghiên cứu nhân học nghiên cứu về nghi lễ thì một buổi lễ tốt nghiệp đại học, lễ mừng sinh nhật của một đứa trẻ, v.v... buộc phải áp dụng một loạt các động tác, lời nói, thủ tục nối tiếp nhau: nghĩa là nghi lễ có bài bản. Nghi lễ là hành động, nên cần phải chú ý đến hành động để thực hiện bài bản. Đồng thời, cử hành nghi lễ cũng có thể là để diễn giải bài bản đến một mức độ có thể biến đổi nó.

Nghi lễ chính là hành vi của con người nhằm biểu hiện niềm tin tôn giáo. Bất cứ một tôn giáo nào, dù sơ khai hay đã phát triển, muốn tồn tại thì phải có

*. ThS., Đại học Văn hóa Thành phố Hồ Chí Minh.

1. Vũ Minh Chi. *Nhân học văn hóa, con người, thiên nhiên, xã hội và thế giới siêu nhiên*, Nxb. CTQG, H., 2004, tr. 311.

những hành vi liên quan đến niềm tin, gọi là *ngghi lễ tôn giáo*. Nghi lễ này được thực hiện với tư cách cá nhân, nhưng cũng có thể thực hiện dưới hình thức cộng đồng. Nghi lễ tôn giáo khi được thực hành thường gắn liền với một thực thể siêu linh hay một thế giới vô hình nào đó liên quan đến niềm tin tôn giáo hoặc do tôn giáo quy định. Nghi lễ tôn giáo có thể là những nghi lễ liên quan đến đời người, như nghi lễ chuyển đổi (*rite of passage*), cúng tế; hoặc những nghi lễ liên quan đến cộng đồng như cầu an, cầu siêu, v.v... hay những nghi lễ tuân thủ theo chu kì thời gian như lễ chuyển mùa, tết, các ngày vía, v.v... Nghi lễ có tác dụng là *dẫn con người đến với đối tượng họ thờ cúng, đến với tôn giáo và ngược lại dẫn thế giới siêu linh trong tôn giáo đến với con người*.

Khi nghiên cứu nghi lễ, cần để ý đến cả những biểu tượng lẫn cách cử hành nghi lễ. Tư tưởng văn hóa được cụ thể hóa qua hành động nghi lễ. Bên cạnh đó, có nghi lễ thể hiện niềm tin tôn giáo, nhưng cũng có những nghi lễ không mang niềm tin tôn giáo. Vì thế, để xét nghi lễ đó thuộc nghi lễ tôn giáo hay nghi lễ không thuộc tôn giáo chúng ta xét đặc tính, tính năng của nghi lễ đó.

2. Hệ thống, biểu tượng, phân loại nghi lễ

2.1. Hệ thống nghi lễ

Hệ thống nghi lễ (Ritual system): Trong những xã hội tiên công nghiệp, hệ thống nghi lễ là một phức hợp mang tính thể chế kết nối những hành động, đối tượng sự kiện, từ ngữ nghi lễ được sử dụng trong hoàn cảnh cụ thể để giao tiếp với thế lực vô hình được coi là nguồn gốc, kết quả của mọi ảnh hưởng, sự thịnh vượng hay tai họa trong các xã hội tiên công nghiệp.

2.2. Biểu tượng nghi lễ

Biểu tượng nghi lễ là tác nhân kích thích của xúc cảm. Có lẽ, lời tuyên bố ấn tượng nhất về tính chất này của biểu tượng là của Edward Sapir. Cái khác biệt lớn nhất trong sự phát triển của các thể loại biểu tượng này là *“khi biểu tượng ám chỉ hình thành và phát triển thông qua sự phát sinh một cách chính quy trong hữu thức thì biểu tượng cô đọng bắt rễ ngày càng sâu hơn trong vô thức và khuyếch tán tính xúc cảm của nó thành nhiều loại hành vi và tình huống khác xa với ý nghĩa ban đầu của biểu tượng”*⁽²⁾. Có bốn thuộc tính của biểu tượng nghi lễ:

- (1) Sự cô đọng của nhiều ý nghĩa trong một hình thái đơn nhất;
- (2) Tính tinh tế của sự ám chỉ;
- (3) Sự vượt trội của tính xúc cảm hay thềm khát;
- (4) Các mối liên kết của các miền vô thức⁽³⁾.

Thuộc tính *đơn giản nhất* là cô đọng. Nhiều sự vật và hành động được thể hiện trong một mẫu hình đơn nhất. *Thứ hai*, biểu tượng chính là một sự thống nhất của những *ý nghĩa căn bản khác nhau*. Những *ý nghĩa căn bản* được kết nối với nhau bởi chúng cùng sở hữu những đặc tính giống nhau hay bởi sự liên kết trong thực tế hay tư duy. Thuộc tính quan trọng thứ ba của biểu tượng chính là *tính lưỡng cực về ý nghĩa* của chúng⁽⁴⁾.

2.3. Phân loại nghi lễ

Ngghi lễ theo chu kì thời gian: thường tổ chức theo năm, tháng dương lịch, âm lịch, theo lịch của các tôn giáo, lịch của

2. A.A.Belik. *Ba thuộc tính của các biểu tượng văn hóa - Văn hóa học những lí thuyết nhân học văn hóa*, Tạp chí Văn hóa nghệ thuật, H., 2000, tr. 253.

3. A.A.Belik. *Ba thuộc tính của các biểu tượng văn hóa...*, đã dẫn, tr. 254.

4. A.A.Belik. *Ba thuộc tính của các biểu tượng văn hóa...*, đã dẫn, tr. 251.

các tộc người. Ngoài những nghi lễ tuân thủ theo thời gian hằng năm của các dân tộc còn có nghi lễ theo chu kỳ mười năm, mười hai năm (một con giáp), sáu mươi năm (một hội), hoặc một trăm năm, v.v...⁽⁵⁾

Nghi lễ chuyển đổi theo chu kỳ đời người: nghi lễ này được Arnold Van Gennep phân tích khá súc tích và đầy đủ, liên quan đến những thời kỳ chuyển tiếp về vai trò, vị thế, nghĩa vụ, trách nhiệm của đời sống cá nhân của một con người. Sự ra đời của một đứa trẻ, lễ thành đinh, hôn nhân, lên lão, tang lễ, v.v... chứng tỏ cá nhân con người đó đã bắt đầu được gia nhập cộng đồng với tư cách là thành viên chính thức. Gennep chia các thời kỳ chuyển đổi thành 3 giai đoạn: tách biệt với thế giới trước đó; bước đầu mang tính chuyển tiếp; và giai đoạn hội nhập với thế giới mới. Nghi lễ theo chu kỳ đời sống của con người được các tôn giáo rất quan tâm và thường được xác định bằng các nghi lễ kèm theo.

Các nghi lễ chuyển đổi này trong trường hợp cá biệt cũng kéo sang giai đoạn sau. Con người mang đậm tính xã hội, tính cộng đồng, và hiện nay nó bị mờ nhạt và tính tôn giáo cũng mờ nhạt theo. Có những loại nghi lễ mang tính công khai, nhưng cũng có loại bí mật chỉ tiến hành theo những nhóm tín đồ tôn giáo riêng.

Nghi lễ riêng của từng tôn giáo: nhằm mục đích giáo dục tín đồ hay chức sắc hiểu giáo lí, tuân thủ giáo luật, giữ gìn phẩm chất đạo đức theo tôn chỉ của đạo như tuần ăn chay, mùa an cư kiết hạ của Phật giáo⁽⁶⁾...

Nghi lễ vòng đời người

Nghi lễ vòng đời người chứa đựng nhiều yếu tố văn hoá. Nó được xác định xuyên suốt quá trình đời người từ lúc sinh cho đến lúc qua đời. Nó bao gồm nhiều giai đoạn như: sinh nở, thời ấu thơ, tuổi dậy thì, hôn nhân, tuổi già và qua đời. Mỗi giai đoạn của đời người đều

chứa đựng những nhân tố, giá trị văn hoá. Hầu hết, mỗi cá nhân sống trong xã hội đều phải trải qua nhiều giai đoạn theo chu kỳ sinh học. Sự chuyển tiếp giữa các giai đoạn được thực hiện trong quá trình giáo dục, và được khẳng định chính thức bởi một nghi lễ.

Tác dụng của nghi lễ là sau khi tham dự một nghi lễ, con người cảm thấy thoải mái, tăng thêm niềm tin hoặc cảm thấy được giảm nỗi đau, trấn an về mặt tinh thần. Trong một số nghi lễ còn có những hành vi nhằm tạo nên một không gian thoát tục, những hành vi dày vò thể xác hoặc thoát tục, thực hiện những động khác ngày thường. Đồng thời nghi lễ cũng mang yếu tố tâm lí, tình cảm và đóng một vai trò rất quan trọng; nghi lễ phải được tổ chức trong một không khí thiêng, với hình thức rất khác trần tục.

3. Lí thuyết về nghi lễ chuyển đổi và tình trạng ngưỡng

3.1 Lí thuyết về nghi lễ chuyển đổi của Arnold Van Gennep

Đầu thế kỉ XX, nhà nhân học người Pháp gốc Bỉ, Arnold Van Gennep, đã ghi nhận một số các loại nghi lễ ở khắp nơi trên thế giới đều có cấu trúc giống nhau. Tất cả các nghi lễ chuyển đổi đều liên quan đến vị thế con người (cá nhân). Sau mỗi nghi lễ, sự chuyển đổi vai trò, vị thế, trách nhiệm, nghĩa vụ, thụ hưởng, tư cách của người thụ hưởng chính và các đối tượng tham gia theo từng nghi lễ khác nhau. Sự chuyển đổi vai trò, vị thế, trách nhiệm, nghĩa vụ, thụ hưởng, tư cách của người thụ hưởng chính và các đối tượng tham gia nó khác hoàn toàn so với trước khi làm nghi lễ. Con người luôn

5. Đặng Nghiêm Vạn. *Lí luận về tôn giáo và tình hình tôn giáo ở Việt Nam*, Nxb. CTQG, H., 2005, tr. 128.

6. Đặng Nghiêm Vạn. *Lí luận về tôn giáo và tình hình tôn giáo ở Việt Nam*, Nxb. CTQG, H., 2003, tr. 113.

Bảng 1: Sơ đồ về nghi lễ vòng đời⁽⁷⁾

Giai đoạn	Khái quát chung nội dung	Nghi lễ vòng đời
Tuổi ấu thơ	Học cách ứng xử của xã hội về kĩ năng, kĩ thuật, tăng trưởng, nhưng giới hạn về xã hội và trách nhiệm kinh tế.	Nghi lễ đặt tên
Tuổi dậy thì	Thời kì phát triển giới tính (sinh lí), trách nhiệm xã hội của người lớn trong việc giáo dục, chỉ dẫn về giới. Chưa quan tâm nhiều về kinh tế hay trách nhiệm đối với gia đình, xã hội.	Nghi lễ tuổi dậy thì
Trưởng thành	Trách nhiệm của gia đình chính là tế bào của xã hội. Trách nhiệm với cá nhân chính là nuôi dạy con cái, nghĩa vụ chồng - vợ, hiếu thảo với cha mẹ, tình thân hữu với anh em bạn bè thân hữu và người thân họ hàng. Trách nhiệm cá nhân phải làm ra nhiều của cải, nhiều đặc lợi đủ về kinh tế hay trách nhiệm xã hội.	Hôn nhân và làm cha mẹ
Tuổi già và qua đời	Tình trạng về tuổi tác ngày một cao và điều kiện suy sụp về thể chất. Tuổi già được đề cao về vai trò phục vụ của xã hội.	Lên lão chuẩn bị qua đời và làm nghi lễ tang ma

luôn cần phải có những nghi lễ để đánh dấu vị thế của mình trong bất cứ hoàn cảnh, điều kiện, môi trường nào mà người đó có được. Chu kì sống của mỗi người tùy vào cuộc sống dài ngắn khác nhau, bởi bốn mạng của mỗi người cũng khác nhau. Những nghi lễ chuyển đổi của chu kì đời người đều phải trải qua các giai đoạn sinh nở, thành niên, chuẩn nhận, cưới hỏi, ma chay, v.v...⁽⁸⁾ Ông định nghĩa các nghi lễ chuyển đổi là “*các nghi thức đi kèm bất kì một sự thay đổi nào về địa điểm, trạng thái, địa vị xã hội và tuổi tác*”⁽⁹⁾.

Nghi lễ chuyển đổi là những nghi lễ tạo nên sự thay đổi quan trọng về vai trò, vị thế xã hội, nghĩa vụ, trách nhiệm và thời gian trong một nền văn hóa của đối tượng nghi lễ chính. Chúng bao gồm những lễ không thường xuyên và mang tính cá nhân như lễ đầy tháng, lễ thành đinh, lễ cưới, lễ tang. Chúng còn bao gồm những lễ thường xuyên mang tính cộng đồng bảo hiệu bước chuyển của mùa vụ.

Nghi lễ chuyển đổi đánh dấu việc các thành viên trong xã hội chuyển từ một vai trò, vị thế, nghĩa vụ, trách nhiệm, quyền hạn này sang một vai trò, vị thế, nghĩa vụ, trách nhiệm, quyền hạn khác

trong cơ cấu xã hội của người thụ hưởng chính và những người tham dự nhưng không phải đối tượng thụ hưởng chính. Những nghi lễ này được đánh dấu bởi những giai đoạn *rời bỏ, chuyển tiếp, và tái hội nhập*⁽¹⁰⁾. Trong thời kì chuyển đổi, cá nhân đứng ở vị trí ngưỡng và thường xảy ra tinh thần gắn bó đồng cảm mạnh và cảm nghĩ đồng cảm với nhau.

Nghi lễ chuyển đổi diễn ra trong mỗi cá nhân theo chu kì đời người. Nghi lễ chuyển đổi là nghi lễ đánh dấu sự chuyển đổi từ một giai đoạn sống này, hay một sự kiện này sang một giai đoạn sống khác hay một sự kiện khác. Mọi người ai cũng qua các nghi lễ chuyển đổi

7. *Introduction to Cultural Anthropology*, Garrick Bailey University of Tulsa; James peoples ohio Wesleyan University, West/Wadworth an International Thomson Publishing Company, 1999, p. 226.

8. Arnold Van Gennep. *Rites of Passage*, Routledge & Kegan Paul Ltd, 1960, p. viii.

9. Victor W.Turner. *Tình trạng nửa vờ: Giai đoạn ngưỡng kích thích dưới trong các nghi lễ chuyển đổi*, Folklore: *Thế giới, một số công trình nghiên cứu cơ bản*, Nxb. Khoa học xã hội, H., 2005, tr. 327.

10. Emily A.Schultz, Robert H.Lavenda. *Nhân học tình trạng quan điểm nhân sinh*, Nxb. Chính trị Quốc gia, H., 2001, tr. 226.

của cuộc đời mình và xã hội đều ghi nhận nó bằng các hình thức khác nhau. Nghi lễ chuyển đổi là nghi lễ được tiến hành như một sự tiếp nhận - khi một cá nhân được chuyển từ vị thế xã hội này sang vị thế xã hội khác.

Arnold Van Gennep đã nêu 3 đặc điểm của một lớp nghi lễ bằng 3 thời điểm riêng biệt, nối tiếp nhau trong thời gian tiến hành nghi lễ: *Giai đoạn phân li; giai đoạn ngoại biên hay còn gọi là ngưỡng kích thích dưới; và giai đoạn tái thu nạp (hội nhập)*⁽¹¹⁾.

Giai đoạn đầu (phân li) bắt đầu tách người thụ lễ khỏi vị thế cũ của họ trong xã hội. Giai đoạn giữa (ngoại biên) là giai đoạn bồng bềnh. Người thụ lễ đang ở trong giai đoạn nửa ở vai trò, vị thế, nghĩa vụ, trách nhiệm, tư cách cũ, nửa ở vai trò, vị thế, nghĩa vụ, trách nhiệm, tư cách mới chưa dứt bỏ được những vai trò, vị thế, nghĩa vụ, trách nhiệm, tư cách cũ và cũng chưa chuyển sang đón nhận hoàn toàn vai trò, vị thế, nghĩa vụ, trách nhiệm, tư cách mới. Giai đoạn cuối là giai đoạn tái thu nạp người được thụ hưởng chính, trở lại với tâm thế mới trong cả gia đình và xã hội. Sự chuyển đổi vai trò, vị thế, nghĩa vụ, trách nhiệm, tư cách này được thay đổi cả bên trong bản thân cá nhân và bên ngoài xã hội.

Tất cả các nghi lễ đều gắn với sự chuyển tiếp từ hoàn cảnh này sang hoàn cảnh khác và nói lên tầm quan trọng của sự chuyển đổi đó. Do đó, đòi hỏi cần có riêng một phạm trù đặc biệt về *các nghi lễ chuyển đổi*, và được phân chia thành: Nghi lễ phân li (tiền ngưỡng) (*rites of separation*), nghi lễ bên lề (ngưỡng) (*transition rites*), và nghi lễ hội nhập (hậu ngưỡng) (*rites of incorporation*). Ba loại phạm trù này theo thứ tự cấp bậc không thực hiện cùng một lúc với cộng đồng dân cư hay trong cùng một loại nghi lễ⁽¹²⁾ vì chúng đều phải trải qua những giai đoạn *tiền ngưỡng* -

preliminal rites hoặc rites of separation; ngưỡng (bên lề) - liminal rites hoặc transition rites; và hậu ngưỡng (tái hội nhập) - postliminal rites hoặc rites of incorporation⁽¹³⁾. Các giai đoạn này có những mối tương quan với nhau, cái nọ trong tương quan cái kia. Vị trí của nó có thể thay đổi tùy theo hoàn cảnh như sinh nở hay lúc qua đời, lễ thụ pháp hay lễ kết hôn, v.v...

Nghi lễ chuyển đổi mà Van Gennep đưa ra cho thấy tất cả các nghi lễ chuyển đổi đều phải trải qua 3 giai đoạn: *phân li, ngoài lề, và hội nhập*.

Giai đoạn phân li: bao gồm hành vi tượng trưng báo hiệu sự tách rời của một cá nhân hay một nhóm người khỏi một vị trí cố định trước đó trong cấu trúc xã hội hoặc khỏi một hệ thống các điều kiện văn hóa (một trạng thái);

Giai đoạn giữa - ngoài lề: trạng thái của đối tượng nghi lễ (người được chuyển đổi) là rất mơ hồ, người đó trải qua một địa hạt mà ở đó hầu như không có hoặc hoàn toàn không có những thuộc tính của trạng thái đã qua hay trạng thái sắp đến.

Giai đoạn cuối: người được chuyển đổi hoàn thành nghi thức. Chủ thể nghi lễ, một cá nhân hay một nhóm người, lại ở trong trạng thái ổn định mới và vì thế, có những quyền lợi và nghĩa vụ của một thành viên được xác định và “*có cấu trúc*” rõ ràng và phải cư xử phù hợp với những quy định theo tục lệ và chuẩn mực đạo đức nhất định⁽¹⁴⁾.

11. Arnold Van Gennep. *Rites of Passage*, Routledge & Kegan Paul Ltd, 1960, p.14.

12. Arnold Van Gennep. *Rites of Passage*, ibid, p.11.

13. Arnold Van Gennep. *Rites of Passage*, ibid, p.14.

14. Victor W. Turner. *Tình trạng nửa vời: Giai đoạn ngưỡng kích thích dưới trong các nghi lễ chuyển đổi*, Folklore: *Thế giới, một số công trình nghiên cứu cơ bản*, Nxb. Khoa học xã hội, H., 2005, tr. 327.

Nghi lễ phân li (*rites of separation*) thường thấy trong đám tang. Nghi lễ hội nhập (hậu ngưỡng), (*rites of incorporation*) thường thấy ở trong các đám cưới, còn nghi lễ bên lề (tiền ngưỡng), (*transition rites*) có thể là một quá trình quan trọng như giai đoạn mang thai, lễ đính hôn, lễ thụ pháp. Vì vậy, sơ đồ về lí thuyết nghi lễ chuyển đổi bao gồm *tiền ngưỡng; ngưỡng (bên lề); hậu ngưỡng (tái hội nhập)* có sự tương đồng về mức độ quan trọng, mức độ kĩ lưỡng của nó.

3.2. Lí thuyết về tình trạng ngưỡng của Victor W. Turner

Victor W. Turner nghiên cứu các đặc tính của một giai đoạn mà từ trước đến nay ít người nghiên cứu và có thể được xem là bị sao lãng, đó là vô định hình - giai đoạn *nghi lễ hay giai đoạn ngưỡng kích thích dưới (liminal)*. Những nghi lễ nhập môn (*initiation rites*) có những giai đoạn ngoài lề đặc biệt rõ ràng, trong đó những người nhập môn thường bị loại trừ, bị tách biệt, đưa vào bóng tối, che giấu, không thuộc nhóm nào, loại nào. Điều này, chúng ta có thể nói là *tình trạng nửa vời, (betwixt and between)*. Nhưng nó không ở địa vị này cũng không ở địa vị kia, không còn là đứa trẻ và cũng chưa trở thành người lớn⁽¹⁵⁾.

Theo Victor W. Turner, tình trạng ngưỡng “*thường được ví như trạng thái im lìm chết, trạng thái thai nhi nằm trong tử cung, ở trong bóng tối, còn lưỡng tính, còn ở tình trạng hoang dã, và giống như nhật thực hay nguyệt thực*”⁽¹⁶⁾. Victor Turner chủ yếu đi sâu vào phân tích sự chuyển tiếp của cá nhân. Sự chuyển tiếp đó làm cho cá nhân ở trạng thái bồng bềnh, không rõ rệt, không ở bên này cũng không ở bên kia, không ở bên trong cũng không ở bên ngoài. Đây là thời kì quan trọng về nghi lễ cũng như đối với cuộc sống xã hội nói chung.

Victor W. Turner đã dựa trên tư tưởng của Gennep và nhấn mạnh đến những khía cạnh tập thể của trạng thái ngưỡng cũng như những mối liên hệ của nó với tiến trình sống của mỗi cá nhân.

Khái niệm *ngưỡng* đã và đang được áp dụng không chỉ trong những sự vật mang tính chất nghi lễ hiển nhiên mà nó còn được áp dụng rộng rãi trong rất nhiều hiện tượng như biểu tình chính trị, nghỉ mát, v.v... Do được áp dụng vào “*mọi việc đâu sẽ vào đấy*” (vốn được quy định bởi các quy luật, trật tự tôn ti, quy tắc và sự phân loại có giới hạn chắc chề), nên có thể nhận thấy trạng thái ngưỡng ở bất cứ nơi nào, minh chứng cho sức mạnh của khái niệm này, nhưng lại có nguy cơ làm giảm bớt tính chính xác và trọng tâm của khái niệm vì trong quá trình vận dụng khái niệm này còn nảy sinh vấn đề phức tạp có liên quan đến sự trung lập về giá trị. Đối với nhiều tác giả nghiên cứu văn hóa, thì *trạng thái ngưỡng* được xem là một liều thuốc giải độc cho sự hợp lí hóa, quyền lực và quyền kiểm soát. Có thể là một học thuyết theo kiểu thuyết nhị nguyên giản đơn thái quá giữa một bên là một trạng thái ngưỡng “*tốt*”, với một bên là cấu trúc “*xấu*”.

Ngưỡng kích thích dưới (Liminality)⁽¹⁷⁾: Theo Turner, đây là trạng thái và tiến trình chuyển tiếp giữa một lễ chuyển đổi. Trong giai đoạn ngưỡng, đặc trưng của người thụ lễ là không rõ ràng bởi họ đang trải qua một không gian văn hóa có rất ít hoặc không có những thuộc tính giữa chừng. Trạng thái

15. Victor W. Turner. *Tình trạng nửa vời: Giai đoạn ngưỡng kích thích dưới trong các nghi lễ chuyển đổi*, Folklore: *Thế giới, một số công trình nghiên cứu cơ bản*, Nxb. Khoa học xã hội, H., 2005, tr. 326.

16. Victor W. Turner. *Tình trạng nửa vời: Giai đoạn ngưỡng kích thích dưới...*, Sđd, tr. 325.

17. Hội khoa học lịch sử Việt Nam. *Những vấn đề nhân học tôn giáo*, Nxb. Đà Nẵng và Tạp chí *Xưa và Nay*, H., 2006, tr. 467.

trước đó hoặc sắp tới mang tính giữa chừng. Người trong trạng thái ngưỡng được cởi bỏ mọi địa vị và thẩm quyền, tách ra khỏi cấu trúc xã hội được duy trì và được quy định bởi quyền lực, được nâng lên một địa vị xã hội chung nhất thông qua nguyên tắc và thử thách.

Chủ thể (đối tượng thụ thưởng chính) của nghi lễ chuyển đổi trong giai đoạn ngưỡng kích thích dưới là “vô hình”, không về thể xác thì cũng là cấu trúc xã hội. Trạng thái đang chuyển đổi có nghĩa là con người đang ở ngưỡng kích thích dưới, được xác định bằng một cái tên hoặc bằng một hệ thống biểu tượng.

Đặc điểm của sự chuyển đổi trong những xã hội tương đối ổn định, những nghi thức nhập môn, mặc dù là bước vào ngưỡng trưởng thành của xã hội hay thành viên của tổ chức nào đó, v.v... đều là những giai đoạn ngoài lề (hay ngưỡng kích thích dưới). Nghi lễ phân li và nghi lễ hội nhập có nhiều ẩn ý rõ ràng hơn cấu trúc xã hội so với nghi lễ ngưỡng kích thích dưới.

Trong cấu trúc của ngưỡng kích thích dưới, những người nhập môn đã được đưa ra khỏi vị trí cấu trúc của họ và vì vậy cũng rời bỏ những giá trị, quy tắc, tình cảm, và những kĩ thuật gắn kết những vị trí đó. Họ cũng bị tước bỏ các thói quen cũ, về tư duy, cảm giác và hành động. Trong giai đoạn ngưỡng kích thích dưới, người nhập môn bị bắt buộc và được khuyến khích suy ngẫm về xã hội, thế giới của họ và những nguồn sức mạnh đã làm nảy sinh và duy trì chúng. Ngưỡng kích thích dưới có thể được mô tả phần nào như một giai đoạn phản ánh. Những ý tưởng, tình cảm, và sự kiện mà từ trước tới nay được kết thành hình dạng, được chấp nhận, và được chuyển thành yếu

tố cấu thành. Những yếu tố cấu thành này được tách ra và được chấp nhận một cách không suy nghĩ, thì giờ đây tạo thành vật thể phản ánh cho những người nhập môn bằng các quá trình như phóng đại một số yếu tố và phân biệt chúng thông qua các vật đi kèm. Sự truyền đạt thông tin cũng gồm 3 quá trình theo trình tự:

Một là, quy mô nhỏ một nền văn hóa về các thành phần và nhân tố đã được thừa nhận;

Hai là, tái kết hợp chúng thành các khuôn mẫu và hình dạng kì quái và dị thường;

Ba là, tái kết hợp sao cho chúng trở nên có ý nghĩa với trạng thái và địa vị mới của người nhập môn⁽¹⁸⁾.

Hơn nữa, trong nghi lễ nhập môn có những tiền đề nhất định và những nền tảng xây dựng cơ bản tạo thành một hệ vũ trụ hài hòa. Bản thân người nhập môn cũng không thể thẩm tra được bản chất của chúng. Trong hoàn cảnh nào đó thì màu sắc trắng, đỏ, đen được diễn giải đầy đủ các tính chất tương đồng. Nó kết hợp con người và địa vị của con người một cách sâu sắc, nó chỉ đang biến đổi, tồn tại sự ràng buộc giữa các cá nhân, cộng đồng lại với nhau. Chúng đều được hưởng sự linh thiêng với nhau và cả về mặt xã hội.

Trong nghi lễ chuyển đổi chủ yếu phân tích đối tượng được thụ hưởng chính trong sự thay đổi vai trò, vị thế, nghĩa vụ, trách nhiệm, tư cách sau mỗi nghi lễ. Sự chuyển đổi về vai trò, vị thế, nghĩa vụ, trách nhiệm, tư cách khác trước khi làm nghi lễ chuyển đổi về cả địa vị trong xã hội, dòng tộc, gia đình cũng như chính bản thân người thụ hưởng chính và những người tham dự.

18. Victor W. Turner. *Tình trạng nửa vờ: Giai đoạn ngưỡng kích thích dưới trong các nghi lễ chuyển đổi*,... Sđd, tr. 343.

Bảng 2: Sơ đồ Nghi lễ chuyển đổi⁽¹⁹⁾

Giai đoạn	Khái quát chung	Nghi lễ chuyển đổi có liên đới
Tuổi ấu thơ	Học cách ứng xử của xã hội và kĩ năng, kĩ thuật, tăng trưởng về cả trí não và thể chất, nhưng giới hạn về quan hệ xã hội và trách nhiệm kinh tế.	Nghi lễ đặt tên: sau khi ra đời cha mẹ sẽ làm lễ đặt tên cho đứa trẻ.
Tuổi dậy thì	Thời kì phát triển giới tính, trách nhiệm xã hội của người trưởng thành trở thành người lớn, nhưng trong một xã hội không đặc quyền. Giai đoạn này, họ chưa đủ kinh tế hay trách nhiệm đối với mọi xã hội.	Nghi lễ tuổi dậy thì bước sang giai đoạn chuẩn bị trở thành người lớn.
Trưởng thành (Nghi lễ hôn nhân)	Có trách nhiệm với xã hội đối với các hành vi của mình gây ra. Đồng thời, họ được hưởng tất cả những đặc lợi về kinh tế hay trách nhiệm, nghĩa vụ, hành vi của mình đối với gia đình, xã hội.	Trong giai đoạn này, họ kết hôn/hay trở thành bậc làm cha làm mẹ. Bên cạnh đó, họ có những vị thế xã hội, gia đình, v.v...
Tuổi già (lên lão)	Tình trạng tuổi tác của người trưởng thành sau đó đến độ tuổi cao. Trong giai đoạn này, họ có điều kiện về thể chất, địa vị xã hội trong thời gian này. Trong giai đoạn này, họ luôn đề cao vai trò xã hội, chính quyền, vị thế của mỗi cá nhân, sự sung túc về kinh tế của cá nhân.	Giai đoạn người lớn tuổi về hưu, thụ hưởng nhu cầu cá nhân, và làm tròn vai trò của mình đối với gia đình và xã hội cho thế hệ sau noi theo.
Qua đời	Kiếp luân hồi của mỗi con người đều xảy ra. Họ chuyển sang một vị thế xã hội khác, thế giới khác.	Qua đời và làm nghi lễ chôn cất cho người quá cố. Sự thương tiếc của con cháu đối với người quá cố.

Áp dụng lí thuyết nghi lễ chuyển đổi vào nghiên cứu một đối tượng cụ thể thông qua một nghi lễ cũng rất khó khăn và phức tạp. Lí thuyết nghi lễ chuyển đổi được chia thành 3 giai đoạn rõ ràng, nhưng đôi khi những giai đoạn đó không có ranh giới tách bạch. Vì thế, khi nghiên cứu về nghi lễ chuyển đổi, phải có sự linh hoạt bởi chủ thể của nó thường là cá nhân sống trong một cộng đồng lớn, chu kì sống của con người mang tính cộng đồng giống với nghi lễ vòng đời người. Chính vì vậy, khi nghiên cứu về nghi lễ chuyển đổi cũng cần nghiên cứu cả về văn hóa của cộng đồng. Điểm khác biệt khi nghiên cứu nghi lễ chuyển đổi là nghiên cứu về chính bản thân cá nhân con người. Lễ nghi có rất nhiều và

phức tạp, nhưng mỗi người lại dựa trên cơ sở vị trí của mình để chọn lễ nghi tương xứng cho dù có cùng một nghi lễ (chẳng hạn như nghi lễ về hôn nhân, tang ma,...). Ở lí thuyết này, nhấn mạnh đến vai trò của cá nhân, vai trò chuyển tiếp của ngưỡng cá nhân. Mỗi cá nhân khi trải qua một nghi lễ chuyển đổi nào đó, họ chuyển sang địa vị và vị thế mới trong gia đình cũng như ngoài xã hội, nhưng không giống nhau về giai đoạn chuyển tiếp, giai đoạn bên lề, hay giai đoạn tái hội nhập, v.v... /.

19. Victor W. Turner. *Tình trạng nửa vờ: Giai đoạn ngưỡng...*, Sđd, tr. 343.